

1. NGHIÊN CỨU THÀNH PHẦN HÓA HỌC MỘT SỐ LOÀI ĐỊA Y VIỆT NAM

ThS. Lê Hoàng Duy

Khoa Cơ bản, trường ĐH Phạm Văn Đồng

TÓM TẮT

Địa y sản sinh ra rất nhiều hợp chất hữu cơ có hoạt tính sinh học mạnh. Địa y mọc rất phổ biến ở Việt Nam, các nghiên cứu trước đây chỉ tập trung về phân loại và sự phân bố của địa y. Lần đầu tiên tám loài địa y phiến và địa y bụi thu hái tại Lâm Đồng được khảo sát thành phần hóa học. Các mẫu địa y sau khi thu hái đã được định danh tên khoa học và khảo sát sơ bộ thành phần hóa học bằng sắc ký lỏng cao áp (HPLC). Sau đó cô lập và xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất hữu cơ có trong các mẫu địa y nghiên cứu. Axít salazinic và axít α -alectoronic là hai hợp chất hữu cơ đã được cô lập từ hai loài địa y phiến *Rimelia clavulifera* và *Parmotrema mellissii* và cấu trúc hóa học của chúng được xác định dựa vào các phương pháp hóa học và hóa lý hiện đại như khối phổ (MS), phổ hồng ngoại (IR), phổ cộng hưởng từ hạt nhân một chiều và hai chiều (NMR-1D, NMR-2D).

2. ĐỊNH LƯỢNG ĐỒNG THỜI ACID EICOSAPENTAENOIC (EPA) VÀ ACID DOCOSAHEXAENOIC (DHA) TRONG MỠ CÁ BASA BẰNG PHƯƠNG PHÁP SẮC KÝ KHÍ

ThS. Võ Thị Việt Dung,

PGS.TS. Nguyễn Xuân Trung,

PGS. TSKH. Lưu Văn Bôi

TÓM TẮT

Nghiên cứu định lượng đồng thời acid béo EPA và DHA trong mỡ cá basa dưới dạng methyl ester hóa bằng phương pháp sắc ký khí ion hóa ngọn lửa (GC/FID) với cột tách Equaty-5 ((30m x 0,25mm x 0,25 μ m). Sử dụng khí mang Nitơ, tốc độ 13,9 mL/phút, nhiệt độ của injector và của detector là 260⁰C và 270⁰C tương ứng, thể tích bơm mẫu là 1 μ L. Chương trình nhiệt độ lò cột như sau: Nhiệt độ đầu 100⁰C, giữ trong 1 phút; tăng 20⁰C/phút lên 180⁰C, giữ 1 phút; tăng 2⁰C/phút lên 260⁰C, giữ ở nhiệt độ này trong 4 phút.

Phương pháp nghiên cứu có đường chuẩn tốt ($R > 0,999$), độ đúng và độ chính xác cao, có thể áp dụng trong việc định lượng đồng thời EPA, DHA trong mỡ cá basa và các loại dầu mỡ động, thực vật khác.

3. ĐIỀU KHIỂN MỨC BỒN NƯỚC BẰNG BỘ ĐIỀU KHIỂN PID MỜ

ThS. Nguyễn Đình Hoàng

Khoa Kỹ thuật- Công nghệ, Trường ĐH Phạm Văn Đồng

TÓM TẮT

Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu về việc nghiên cứu thiết kế bộ điều khiển PID mờ để điều khiển mức trong hệ thống bồn nước. Bộ điều khiển mức được thực hiện trên PLC S7_300. Kết quả thực nghiệm và mô phỏng trên cơ sở phần mềm Matlab và Simulink cho thấy rằng bộ điều khiển có khả năng điều khiển chính xác hệ thống phi tuyến với độ vọt lố bé và không có sai lệch tĩnh.

Từ khóa: Level control, fuzzy logic, PID.

4. ỨNG DỤNG KỸ THUẬT LẬP TRÌNH XỬ LÝ ẢNH TRONG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

*KS. Phạm Trường Tùng
Khoa Kỹ thuật-Công nghệ, Trường ĐH Phạm Văn Đồng.*

TÓM TẮT

Đề tài tập trung nghiên cứu cách thức thu thập và xử lý ảnh bằng Matlab, ứng dụng trong việc nhận dạng biển số xe ô tô. Qua đó, thiết kế và chế tạo mô hình một trạm thu phí ứng dụng kỹ thuật này.

5. SUY NGHĨ VỀ VIỆC DẠY HỌC BẰNG WEBQUEST

*TS. Trần Thị Mai Đào
Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐH Phạm Văn Đồng*

TÓM TẮT

Trong suốt thập kỷ qua, trên thế giới, WebQuest đã được sử dụng rộng rãi nhằm đưa công nghệ vào dạy học. Thời gian gần đây, ở Việt Nam, WebQuest cũng đã được nghiên cứu và sử dụng. Mục đích việc sử dụng WebQuest là tăng cường khả năng suy nghĩ mang tính phê bình của sinh viên để giải quyết vấn đề hoặc dự án. Làm việc với WebQuest buộc sinh viên phải tìm tòi, chất lọc, phân tích và đánh giá thông tin để hoàn thành nhiệm vụ của từng WebQuest. Việc đánh giá bằng hệ thống cho điểm rất hiệu quả và thiết thực. Chính sự hiệu quả và những tiện ích của việc dạy học bằng WebQuest sẽ tạo cho giáo viên những cơ hội tốt hơn để đạt những kết quả cao hơn trong dạy học trong giai đoạn hiện nay.

6. ĐẠI TỪ CHỈ ĐỊNH HỒI CHỈ VÀ KHÚ CHỈ THIS/THESE VÀ THAT/THOSE: VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

*ThS. Nguyễn Hữu Chấn
Khoa Ngoại ngữ, trường ĐH Phạm Văn Đồng*

TÓM TẮT

*Đại từ qui chiếu chỉ định hồi chỉ và khứ chỉ (Anaphoric and cataphoric demonstratives): **This/ These** và **That / Those** là một trong những phương tiện liên kết trong phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis) được Halliday và Hasan nghiên cứu vào năm 1976. Là một phương tiện liên kết, qui chiếu chỉ định đóng một vai trò rất quan trọng trong quá trình giao tiếp, giúp người nghe và người đọc hiểu những gì người nói và người viết muốn nói và viết những gì trước đó. Nghiên cứu những đại từ này là một điều rất quan trọng đối với giáo viên. Vì vậy, nội dung bài viết tác giả muốn nghiên cứu những đại từ qui chiếu chỉ định hồi chỉ và khứ chỉ với mục đích giúp giáo viên và sinh viên tiếng Anh sử dụng những đại từ này một cách hiệu quả trong quá trình dạy và học tiếng Anh.*

7. GIAO TIẾP GIAO VĂN HÓA VÀ GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ

ThS. Mai Thạch Lam

Khoa Ngoại ngữ- Trường Đại học Phạm Văn Đồng

TÓM TẮT

Tiếng Anh đã trở thành một phương tiện giao tiếp quốc tế. Sinh viên tiếng Anh thường băn khoăn hình như giữa họ và người nước ngoài có một rào cản nào đó không cho họ hiểu nhau rõ hơn. Học được một ngôn ngữ không đơn thuần học kiến thức về ngữ pháp, âm vị học, từ vựng mà còn nắm vững những kiến thức đặc trưng về văn hóa và giao thoa văn hóa. Trong bài viết này, các cách nhìn nhận khác nhau của các học giả, và các nhà ngôn ngữ về văn hóa và giao văn hóa được đưa ra bàn luận một cách có phê phán trước khi tác giả bài viết đưa ra nhận định riêng của mình. Một số khuyến nghị hữu ích cũng được đưa ra nhằm giúp sinh viên, học sinh tránh được các sốc văn hóa hay đổ vỡ trong giao tiếp giao văn hóa và trong giảng dạy ngoại ngữ ở các trường đại học và các trường phổ thông.

7. CROSS-CULTURAL COMMUNICATION AND FOREIGN LANGUAGE TEACHING

Mai Thạch Lam, M.A

Department of Foreign Languages,

Pham Van Dong University

SUMMARY

English has become an international means of communication. Many Vietnamese students and learners find it difficult to convey their ideas in English with native English speakers. We all know well that understanding a language involves not only knowledge of grammar, phonology and lexis but also a certain features and characteristics of the culture and cross-cultural communication. In this article, different conceptualizations of culture and cross-cultural communication are brought to critical discussion by different scholars and researchers; and the author's own is presented. Types of cultural interaction are classified and some implications are then suggested for avoidance of culture shock/ cross-cultural communication breakdown and useful recommendations provided for foreign language teaching in universities and schools.

8. TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA HỌC SINH THPT THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

ThS. Ngô Thị Kim Ngọc

Khoa Sư phạm Xã hội, Trường ĐH Phạm Văn Đồng

TÓM TẮT

Trí tuệ cảm xúc (TTCX) là một thuộc tính tâm lí, một thành phần trí tuệ đặc biệt chi phối mọi hoạt động của cá nhân, quyết định thành công trong cuộc đời mỗi người. Đối với học sinh THPT, trí tuệ cảm xúc sẽ cho các em sự lạc quan, tinh thần đồng đội, kỹ năng hợp tác và giúp nhau học tập, rèn luyện hiệu quả hơn.

Với tính chất tâm lý phức tạp và vai trò quan trọng của TTCX đối với đời sống con người đã mở ra nhiều hướng nghiên cứu mới. Trong đó, nghiên cứu TTCX của học sinh (HS) để tìm ra con đường phát triển nó là việc làm cần thiết và có ý nghĩa to lớn. Bài viết này trình bày một số kết quả nghiên cứu của đề tài “Trí tuệ cảm xúc của học sinh THPT thành phố Quảng Ngãi”, bao gồm: Khảo sát thực trạng về trí tuệ cảm xúc của học sinh THPT TP Quảng Ngãi; Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ trí tuệ cảm xúc; Mối quan hệ giữa TTCX và kết quả học tập của học sinh THPT TP Quảng Ngãi.

9. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH, SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG HIỆN NAY

ThS. Lê Quang Hoạt

Khoa SPXH, Trường ĐH Phạm Văn Đồng

TÓM TẮT

Giáo dục đạo đức là bộ phận quan trọng trong sự nghiệp "trồng người", nó giúp tạo ra một thế hệ người lao động vừa "hồng" vừa "chuyên", nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước. Trường đại học Phạm Văn Đồng là trường đại học địa phương mới được thành lập nên trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên (HSSV) của trường vừa có thuận lợi vừa có khó khăn nhất định. Qua bài viết, chúng tôi cố gắng mô tả những yếu tố đã và đang tác động tới lĩnh vực này, tạo cơ sở giúp các nhà sư phạm tổ chức tốt các hoạt động giáo dục đạo đức cho HSSV nhà trường.

10. KIỂU NHÂN VẬT NGƯỜI ĐI TÌM CHÂN LÝ TRONG SÁNG TÁC CỦA FRANZ KAFKA

ThS. Lê Văn Mẫu

Khoa Sư phạm Xã hội, Trường ĐH Phạm Văn Đồng

TÓM TẮT

Kiểu nhân vật người đi tìm chân lý trong sáng tác của Franz Kafka thực chất là kiểu phân nhân vật, một cách tân lớn trong văn học hiện đại phương Tây. Thông qua việc xây dựng kiểu nhân vật này, Franz Kafka muốn rung lên một hồi chuông cảnh tỉnh về trạng thái tồn tại phi lý, vô nghĩa của con người trước một thế giới quyền lực vô hình và cùng con người đi vào cuộc chiến chống phi lý, hướng đến một xã hội hài hoà.

11. DẠY- HỌC VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIỂU HỌC

ThS. Nguyễn Thị Hồng Liên

Khoa Sư phạm Tự nhiên, Trường ĐH Phạm Văn Đồng.

TÓM TẮT

Văn học nước ngoài (VHNN), từ lâu đã được đưa vào giảng dạy ở nhà trường Việt Nam ngay từ bậc Tiểu học. Mục đích là để học sinh (HS) làm quen, hiểu phần nào văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc trên thế giới; giúp HS tiếp cận với cách dùng từ, đặt câu, xây dựng hình tượng và nghệ thuật kể chuyện khác lạ, độc đáo. Trong sự nghiệp đổi mới, giao lưu văn hóa giữa các nước đang được mở rộng, vị trí VHNN lại

được nâng cao. *Dạy học VHNN ở Tiểu học, là một mắt xích trong dây chuyền đào tạo HS. Nên chúng tôi trao đổi một số vấn đề về PPDH VHNN ở Tiểu học: 1/ Cần có cái nhìn toàn cảnh. 2/ Không được bỏ qua yếu tố “nước ngoài”. 3/ Cần tìm hiểu và tra cứu kĩ để tránh truyền đạt sai lệch. 4/ Nói đôi nét về tác giả, tác phẩm, tạo ra một không khí khác so với giờ dạy một bài Văn học dân tộc. 5/ Dẫn HS đi vào những nét văn hóa của các dân tộc trên thế giới thông qua các hoạt động học tập sinh động.*

12. DẠY TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH NGƯỜI DÂN TỘC HRÊ Ở QUẢNG NGÃI

Trương Hồng Hòa

Phòng Đào tạo, Trường ĐH Phạm Văn Đồng.

TÓM TẮT

1. Tiếng Việt vừa là môn học cơ bản, vừa là môn học công cụ để học sinh chiếm lĩnh tri thức và kỹ năng của các môn học khác trong chương trình giáo dục. Tuy nhiên, do sự chi phối của nhiều yếu tố khác nhau trong quá trình dạy học, chất lượng học tiếng Việt của học sinh dân tộc chưa cao, kéo theo sự hạn chế về phát triển năng lực tư duy, ít nhiều tạo ra bất lợi cho việc đạt đến những chuẩn mực trong mục tiêu giáo dục của từng bậc học.

2. Từ thực trạng này, việc nghiên cứu tìm cách khắc phục nhằm nâng cao chất lượng học tiếng Việt cho học sinh dân tộc nói chung và dân tộc Hre ở Quảng Ngãi nói riêng là cần thiết. Nói cách khác, có giải quyết được các yếu tố chủ quan và khách quan của quá trình giáo dục ngôn ngữ thì mới có thể nâng cao được kết quả học tập bộ môn tiếng Việt của chủ thể và góp phần hoàn thành chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho miền núi của Đảng và Nhà nước.

13. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN SU PHẠM HIỆN NAY

*ThS. Nguyễn Đăng Đông, ThS. Phùng Minh Nguyệt, ThS. Nguyễn Lập
Khoa Sư phạm Xã hội, Trường ĐH Phạm Văn Đồng.*

TÓM TẮT

Đạo đức của học sinh, sinh viên nói chung, sinh viên sư phạm nói riêng hiện nay đang là nỗi lo chung của toàn xã hội. Mục tiêu của các trường sư phạm hiện nay là đào tạo có chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục-đào tạo trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước. Muốn làm tốt công tác này đòi hỏi CBQLGD, GV các trường, khoa có đào tạo giáo viên cần phải nghiên cứu, nắm bắt tình hình thực tế về đạo đức, lối sống của SVSP để từ đó đề ra các giải pháp nhằm giáo dục họ trở thành những giáo viên vừa có đức, vừa có tài.

Vì vậy, năm học 2008-2009 chúng tôi đã chọn vấn đề “ Thực trạng và giải pháp giáo dục đạo đức cho SVSP hiện nay” để làm đề tài nghiên cứu. Mục đích là nhằm xây dựng các giải pháp khoa học góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDĐĐ cho SVSP trường ĐH Phạm Văn Đồng hiện nay.

Những kết quả nghiên cứu còn rất khiêm tốn. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý xây dựng của quý vị, những ai quan tâm tới công tác GDĐT cho SVSP trường ta hiện nay.

14. HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG NHÀ KÍNH

*KS. Trần Thanh Tùng
Khoa Kỹ Thuật Công Nghệ, Trường Đại Học Phạm Văn Đồng.*

TÓM TẮT

Bài báo giới thiệu một hệ thống điều khiển tối ưu nhiệt độ, độ ẩm và nồng độ CO₂ trong nhà kính với giá thành thấp đáp ứng nhu cầu sản xuất của nền nông nghiệp nước ta. Nội dung chính của bài báo đưa ra phương án thiết kế mô hình nhà kính phù hợp với điều kiện kinh tế và địa lý Việt Nam. Thiết kế khung nhà kính, thiết kế các hệ thống cơ cấu phụ trợ giúp cho việc điều khiển tự động các thông số nhiệt độ, độ ẩm và CO₂ trong nhà kính.

15. ĐIỀU KHIỂN VI BƯỚC CHO ĐỘNG CƠ BƯỚC LƯỜNG CỤC, DÒNG LỚN

*KS. Phạm Văn Anh
Khoa Kỹ thuật-Công nghệ, Trường ĐH Phạm Văn Đồng*

TÓM TẮT

Bài báo đề cập phương pháp điều khiển vi bước cho động cơ bước lưỡng cực kiểu lai. Đây là một phương pháp hiệu quả để nâng cao độ chính xác trong điều khiển vị trí, làm trơn hóa các chuyển động của động cơ và cơ cấu chấp hành. Bộ điều khiển vi bước được chế tạo trên cơ sở phân tích các phương án điều khiển dòng trên các pha theo từng trường hợp nhất định.

16. VỀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI HAI DẠNG TOÁN TÌM GIÁ TRỊ LỚN NHẤT VÀ GIÁ TRỊ NHỎ NHẤT ĐƯỢC TỔNG QUÁT TỪ MỘT SỐ ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

*Trần Văn Hạnh
Khoa Cơ Bản, Trường ĐH Phạm Văn Đồng.*

TÓM TẮT

Trong các đề thi tuyển sinh đại học và cao đẳng các năm gần đây có những bài toán khó dùng để phân loại thí sinh về tìm giá trị lớn nhất(GTLN) và giá trị nhỏ nhất (GTNN). Trong bài viết này tác giả đưa ra hai dạng toán được khái quát từ các bài toán trên gọi là DẠNG I và DẠNG II.

Để giải quyết bài toán DẠNG I tác giả đưa ra 3 phương pháp. Bài toán DẠNG II ngoài phương pháp bất đẳng thức hay dùng tác giả đưa thêm phương pháp dùng đạo hàm. Mỗi phương pháp giải có kèm các thí dụ minh họa.

Nội dung bài viết thuộc phần thực hành giải toán sơ cấp phục vụ cho sinh viên cao đẳng và đại học sư phạm toán, các thí sinh dự thi đại học và giáo viên THPT.

17. XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC VẬT TƯ THỰC HÀNH TRÊN CƠ SỞ ĐẢM BẢO TÍNH HỢP LÝ VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

ThS. Nguyễn Quốc Bảo

Khoa Kỹ thuật-Công nghệ, Trường ĐH Phạm Văn Đồng.

TÓM TẮT

Xác định định mức vật tư thực hành (VTTH) cho từng bậc học, ngành học hiện nay vẫn chưa có một văn bản pháp qui nào của nhà nước. Các trường đại học tùy điều kiện cụ thể của mình mà đưa ra các cách xác định định mức chi phí khác nhau. Mỗi cách tính chi phí VTTH đều có ưu, nhược điểm riêng của nó. Do đó cần phải có cách tính phù hợp với đặc điểm đào tạo.

Hiện nay, cơ sở của việc xây dựng còn rời rạc, tản mạn chưa mang tính hệ thống và chưa có tính thuyết phục cao. Việc nghiên cứu để thiết lập trình tự xây dựng định mức chi phí VTTH và xây dựng định mức chi phí VTTH của một SV cho từng bậc học, ngành học, năm học trên cơ sở đảm bảo tính hợp lý và đạt được mục tiêu đào tạo là vấn đề hết sức cần thiết.

Quảng Ngãi, 5/2010